

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sâm

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Cẩm Vân- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị Y** -sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: Khu 01, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Khu B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - **Bị đơn:** Anh **Dương Văn H** -sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu 01, x, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Dương Văn H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/3/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với mẹ đẻ anh H tại khu 01 (Nay là

khu Đ), xã V được khoảng 02 tuần thì vợ chồng thuê nhà tại thị trấn Y, huyện , tỉnh Phú Thọ để làm nơi ở và kinh doanh Ảnh viện áo cưới. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xảy ra nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ 05/5/2022, anh H về nhà riêng của anh tại khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Dương Hoàng T- sinh ngày 04/12/2020, Dương Quỳnh A- sinh ngày 08/02/2022. Hiện các con chung ở cùng chị Y. Nếu ly hôn, chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2022 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Dương Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng đúng như nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y đã trình bày. Theo anh H, vợ chồng chung sống hòa thuận đến ngày 12/5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hiểu nhầm nhau chứ trong thực tế, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Từ tháng 5/2022 đến nay, anh H về nhà riêng của anh tại khu Đ, xã V, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng không quan tâm tới nhau mà chỉ quan tâm tới con chung. Nay chị Y đề nghị ly hôn, anh H không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm yêu thương đối với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị Y trình bày. Anh H không có ý kiến đề nghị về con chung, vì anh không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn là anh Dương Văn H trình bày bổ sung như sau: Anh H không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn, anh H đồng ý để chị Y trực tiếp nuôi 02 con chung và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đồng/1con/1 tháng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi 02 con chung là Dương Hoàng Thắng- sinh ngày 04/12/2020, Dương Quỳnh A - sinh ngày 08/02/2022. Anh Dương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1 con/1 tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Dương Văn H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú của bị đơn là tại xã Văn Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Y và anh H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy vợ chồng chị Y, anh H chung sống hòa thuận được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống nên vợ chồng thường nói cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 05/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Đồng thời, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chỉ Y cương quyết đề nghị được ly hôn, còn anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và bản thân anh cũng thừa nhận là không còn quan tâm tới chị Y, mà chỉ quan tâm tới con chung. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn kéo dài cuộc sống chung chỉ xuất phát từ một bên nên chị Y đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Đề nghị được đoàn tụ của anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các đương sự cho thấy chị Y và anh H đều có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định như nhau. Tuy nhiên, 02 con chung đều dưới 36 tháng tuổi, được chị Y chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay và các con chung đều có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao 02 con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo anh H trình bày, nghề nghiệp hiện tại của anh là: chụp ảnh đám cưới và trang điểm cô dâu; thu nhập bình quân là 10.000.000đồng/tháng; trong khi đó, anh H đang có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 01 con riêng. Do vậy, đề nghị của anh H được cấp dưỡng với mức 1.000.000đồng/1 con/1 tháng, tổng cộng là 2.000.000đồng/02 con/tháng là phù hợp, cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Dương Hoàng T - sinh ngày 04/12/2020, Dương Quỳnh A - sinh ngày 08/02/2022 cho chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con/ 01 tháng, kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

2.2. Anh Dương Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007855 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Y đã nộp đủ án phí. Anh Dương Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã V;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng

